TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 118/2024/DS-ST

Ngày: 22/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 tháng 3 năm 2024 và ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 913/2023/DSST ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1351/2024/QĐXXST-DS ngày 23/2/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3424/2024/QĐST-DS ngày 22/3/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Mua bán nợ Q

Địa chỉ: Tầng 2, số 81 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thanh Phương là đại diện theo Văn bản ủy quyền số 600/2023/POA ngày 7/12/2023, địa chỉ liên lạc: 261 – 263 Phan Xích Long, Phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Sĩ N, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1 đường C, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện Công ty TNHH Mua bán nợ Q trình bày:

Ngày 25/12/2012, ông Lê Sĩ N và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam), có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10461022. Thông tin chi tiết của khoản vay

như sau: Số tiền cho vay: 43.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Ngày rút vốn: 25/12/2012; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: 3%/tháng; Lãi phạt: Bằng 150% của lãi suất; Nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 48 kỳ; Phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ngày 09/9/2022, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH Mua bán nợ Q. Theo thỏa thuận, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm của ông Lê Sĩ N. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty TNHH Mua bán nợ Q có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và cả thời gian sau khi khoản nợ của bị đơn đã được chuyển nhượng sang Công ty TNHH Mua bán nợ Q, mặc dù Công ty TNHH Mua bán nợ Q đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu bị đơn trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay bị đơn thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Do đó, Công ty TNHH Mua bán nợ Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây, tuyên buộc:

- Buộc ông Lê Sĩ N phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi là 79.410.156đ (Bằng chữ: Bảy mươi chin triệu bốn trăm mười ngàn một trăm năm mươi sáu đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH Mua bán nợ Q có văn bản làm rõ yêu cầu khởi kiện, và bổ sung công thức tính lãi như sau: Yêu cầu Tòa tuyên buộc ông Lê Sĩ N phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền tính đến ngày 09/9/2022 (là ngày Công ty TNHH Mua bán nợ Q ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH MTV tài chính P Việt Nam) là 69.808.215 (Sáu mươi chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười lăm) đồng, trong đó:

Nợ gốc quá hạn: 15.748.700 đồng;

- Nợ lãi trong hạn (Tính từ ngày 05/12/2015-05/12/2016): 5.868.493 đồng.

- Nợ lãi quá hạn (Tính từ ngày 05/01/2017 - 09/9/2022) = Nợ gốc x 150% x Lãi suất (tháng) x số kỳ quá hạn của Hợp đồng = 15.748.700 đồng x 150% x 3%/tháng x 68 kỳ = 48.191.022 đồng.

Tổng cộng: 15.748.700 + 5.868.493 + 48.191.022 = 69.808.215 (Sáu mươi chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười lăm) đồng.

Công ty TNHH Mua bán nợ Q tự nguyện yêu cầu tính lãi theo từng kỳ, mỗi kỳ là một tháng và chỉ tính đến kỳ trả lãi tháng 09/2022.

Do đó, tổng số tiền còn lại mà Bị đơn phải thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q là 69.808.215 (Sáu mươi chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười lăm) đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Ngày 25/12/2012, ông Lê Sĩ N và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam), có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10461022. Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ các quyền hợp pháp liên quan đến khoản nợ của các hợp đồng tín dụng theo Danh sách các hợp đồng tín dụng được chuyển nhượng, trong đó bao gồm hợp đồng tín dụng của ông Lê Sĩ N cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q theo Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 09/9/2022 nên căn cứ Điều 450 Bộ luật Dân sự và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam có quyền khởi kiện vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ Q và bị đơn ông Lê Sĩ N là tranh chấp hợp đồng tín dụng là giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Căn cứ Phiếu kết quả xác minh của Công an phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Công an phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Sĩ N có hộ khẩu thường trú tại 1 đường C, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và không xác định được nơi thực tế cư trú khác. Vì vậy, có cơ sở xác định địa chỉ 1 đường C, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ Bị đơn cư trú cuối cùng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thể hiện bằng Phiếu đề nghị vay tiêu dùng cá nhân số 0917879, Hợp đồng tín dụng cá nhân số

10461022 ngày 25/12/2012 (kèm theo Bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân) (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng). Xét Hợp đồng tín dụng giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam (đã bán nợ lại cho Nguyên đơn- Công ty TNHH Mua bán nợ Q) và ông Lê Sĩ N có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên có hiệu lực thi hành.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Công ty TNHH Mua bán nợ Q yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Sĩ N trả số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 09/9/2022 là 69.808.215 (Sáu mươi chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười lăm) đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn là 15.748.700 đồng; Nợ lãi trong hạn (Tính từ ngày 05/12/2015-05/12/2016) là 5.868.493 đồng; Nợ lãi quá hạn (Tính từ ngày 05/01/2017 - 09/9/2022) là 48.191.022 đồng và ông Lê Sĩ N có trách nhiệm phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q.

[7] Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10461022 ngày 25/12/2012 với khoản vay là 43.000.000 đồng. Căn cứ Phiếu yêu cầu giải ngân ngày 25/12/2012, Giấy nhận nợ ngày 25/12/2012 có cơ sở xác định Bị đơn đã nhận số tiền gốc 43.000.000 đồng. Thực tế dư nợ còn lại của Bị đơn thể hiện Bị đơn có trả nợ gốc và lãi của khoản vay nhưng có vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/01/2017 (là kỳ sau kỳ thanh toán cuối theo hợp đồng) Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định khoản 4.3 Điều 4 của Bản Điều khoản cơ bản của hợp đồng tín dụng cá nhân. Nhận thấy, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng trong thời điểm từ ngày 05/01/2013 đến ngày 05/11/2016 nhưng Nguyên đơn đến thời điểm sau khi hết hạn hợp đồng mới chuyển nợ quá hạn là có lợi cho Bị đơn nên có cơ sở chấp nhận. Việc Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo từng kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng, vào ngày 05 hàng tháng là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng tín dụng và không trái quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn tính lãi theo công thức: Dư nợ gốc x 150% x lãi trong hạn (3%/tháng) x số kỳ tính đến tháng 09/2022 là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[8] Do đó, căn cứ Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10461022 ngày 25/12/2012 và quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Sĩ N trả số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 09/9/2022 là 69.808.215 (Sáu mươi chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười lăm) đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[9] Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc là có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Các khoản 3 và 4 Điều 8, Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ Q

Buộc Bị đơn ông Lê Sĩ N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q số tiền còn nợ tính đến ngày 09/9/2022 của Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10461022 ngày 25/12/2012 (kèm theo Bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân) là 69.808.215 (Sáu mươi chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười lăm) đồng, gồm: Nợ gốc quá hạn là 15.748.700 (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm) đồng; Nợ lãi trong hạn (Tính từ ngày 05/12/2015-05/12/2016) là 5.868.493 (Năm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng; Nợ lãi quá hạn (Tính từ ngày 05/01/2017 - 09/9/2022) là 48.191.022 (Bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi mốt nghìn không trăm hai mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10461022 ngày 25/12/2012 (kèm theo Bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân). Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất thì lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Sĩ N phải chịu 3.490.411 (Ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Mua bán nợ Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q số tiền 1.985.254 (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi bốn) đồng là tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu án phí tòa án số AA/2022/0012812 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Anh